

Bản án số: 292/2022/DS-PT

Ngày: 02/6/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Ngọc Tài

Bà Nguyễn Thị Thoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Tiến Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/4/2022; ngày 05/5/2022 và ngày 02/6/2022, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 183/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 239/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 và quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 102/2021/QĐ-SCBSQĐ ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1129/2022/QĐ-PT ngày 29/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4254/2022/QĐPT-LĐ ngày 15/4/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5778/2022/QĐPT-LĐ ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng X

Trụ sở: Quận Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền: Bà A, chức vụ: Chuyên viên (Theo Giấy ủy quyền số 853/2019/UQMN-TCB ngày 24/6/2019 của Ngân hàng X).

***- Bị đơn:***

1. Ông B, sinh năm 1978

Địa chỉ: Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông B và bà C là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 7/9/2018 của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các biên bản hòa giải thì:

Ngày 22/08/2013 ông B và bà C có ký Hợp đồng tín dụng số 00449/HĐTD/TH-TN/TCB-PTG như sau:

Khế ước/HĐTD: 00449/HĐTD/TH-TN/TCB-PTG

Ngày nhận nợ: 5/9/2013

Thời hạn vay: 300 tháng

Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 5/9/2038

Số tiền phát vay: 9,100,000,000 đồng.

Mục đích vay: Mua bất động sản

Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 5/3/2014 là 5.99%/năm.

Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng một lần vào các ngày 15 và bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 5%/ năm. Lãi suất tham chiếu theo quy định tại 8.1.1 Điều 8 của hợp đồng này

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông B và bà C đã thế chấp tài sản của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Tài sản bảo đảm bao gồm:

- Quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 509, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp tài sản 00449/HĐTC-BDS/TCB ngày 23/9/2013, số công chứng 015218, văn phòng công chứng K, đăng ký thế chấp ngày 23/09/2013, số đăng ký 4472 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại Quận 7).

- Quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 18, tờ bản đồ số 88, Phường K và Tài sản gắn liền với đất là căn nhà số 271/163/73 (số mới 383/3/97) tại quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp tài sản 00508/HĐTC-BDS/TCB ngày 25/12/2013, số công chứng 39759, Phòng công chứng số 5).

-Ngày 29/11/2013 ông B ký tiếp đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng với Ngân Hàng X – Chi nhánh K với hạn mức là 100.000.000 đồng, cụ thể:

Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng sử dụng thẻ (không có tài sản thế chấp) ngày 25/09/2011;

Số tiền: 100.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà C đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu ông B và bà C trả nợ nhưng ông B và bà

C đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 30/10/2014 ông B và bà C đã bàn giao tài sản đảm bảo cho Ngân hàng. Như vậy khoản vay của bị đơn không còn tài sản thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể giảm một phần lãi cho bị đơn.

Tạm tính đến ngày 26/2/2021 sau khi đã thanh lý 02 tài sản thế chấp trên thì dư nợ theo HĐTD và thẻ tín dụng Quốc Tế của ông B và bà C tại Ngân hàng X còn nợ cụ thể như sau:

Dư nợ theo hợp đồng số 00449/HĐTD/TH-TN/TCB-PTG và ngày 29/11/2013

- Nợ gốc: 1.522.362.782 đồng
- Lãi trong hạn của hợp đồng :4.152.808.578 đồng
- Lãi quá hạn của hợp đồng: 279.012.518 đồng

Tổng: 5.954.183.878 đồng (1)

Dư nợ thẻ tín dụng quốc tế

- Nợ gốc: 99.028.123 đồng
- Phí thẻ :74.022.808 đồng
- Lãi thẻ :75.006.371 đồng
- Lãi 141.594.480 (tính lãi tiếp từ 22/12/2016-26/02/2021)

Tổng: 389.651.782 đồng (2)

- Tổng nợ: (1) + (2) = 6.343.835.660 đồng

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông B và bà C thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 6.343.835.660 đồng bao gồm 1.522.362.782 đồng nợ gốc, lãi trong hạn 4.152.808.578 đồng, lãi quá hạn 279.012.518 đồng và tổng nợ thẻ 389.651.782 đồng (tạm tính đến hết ngày 26/02/2021);

2. Buộc ông B và bà C thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 00449/HĐTD/TH-TN/TCB-PTG ngày 22/08/2013 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/09/2011 và khế ước nhận nợ kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại các bản tự khai ông B khai nhận có nợ số tiền trên. Số nợ này ông B sẽ đứng ra trả cho Ngân hàng và yêu cầu không tính lãi, ông sẽ trả vốn vì hiện tại công việc ông không ổn định và gặp khó khăn. Ông xin thời gian để thỏa thuận hòa giải với nguyên đơn. Tòa đã tạo rất nhiều điều kiện để ông B và Ngân

hàng có thời gian để hòa giải ngoài Tòa nhưng đến nay cũng không có kết quả thống nhất.

Bà C không đến tòa trong suốt quá trình tố tụng và bà ghi trực tiếp trong biên bản tổng đạt ngày 30/9/2019 của Thừa phát lại là bà ‘không liên quan gì đến việc này’. Sau đó trong suốt quá trình tố tụng bà C cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được tòa tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên câu cầu khởi kiện;
- Ông B vắng mặt: Có bản tự khai xin nguyên đơn giảm lãi để ông có điều kiện trả nợ;
- Bà C vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận L phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 239/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 và quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 102/2021/QĐ-SCBSQĐ ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận L đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, Điều 147, 203, 207, 208, 220, 227, 228, 244, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Áp dụng Điều 299, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân Hàng X

- Buộc bà C và ông B có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng X số tiền là 5.954.183.878 đồng (Năm tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng) (bao gồm nợ gốc: 1.522.362.782 đồng, Lãi trong hạn của hợp đồng: 4.152.808.578 đồng và Lãi quá hạn của hợp đồng: 279.012.518 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà C và ông B còn phải thanh toán cho Ngân Hàng X tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 27/2/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

00449/HĐTD/TH-TN/TCB-PTG ngày 29/11/2013 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

- Buộc ông B có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng X số tiền là 389.651.782 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu sáu trăm năm mươi một ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng) (bao gồm 99.028.123 đồng nợ gốc, phí thẻ 74.022.808 đồng, lãi thẻ 75.006.371 đồng và lãi 141.594.480 đồng (tính lãi tiếp từ 22/12/2016-26/02/2021). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông B còn phải thanh toán cho Ngân Hàng X tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 27/2/2021 theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 28/11/2013 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C và ông B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.954.184 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn một trăm tám mươi bốn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông B còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.482.589 đồng (Mười chín triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn năm trăm tám mươi chín đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân Hàng X số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 57.514.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005315 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/4/2021 bị đơn là ông B và bà C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xử tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao trả hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án. Lý do: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì bản án không khách quan, bỏ lọt nhiều chứng cứ, không xem xét đầy đủ và toàn diện hồ sơ tín dụng và tài sản thế chấp giữa các bên trong vụ án nên ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

## Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo là bà C xin vắng mặt và có bản khai trình bày kháng cáo với nội dung cho rằng bà không liên quan đến khoản nợ của hợp đồng tín dụng nên không có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả nợ. Ngoài ra vụ án có liên quan đến một số quan hệ khác giữa ông B với Chi nhánh ngân hàng cho vay; không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm không thu thập và xét đầy đủ tài liệu chứng cứ nên quyết định bản án gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

- Người kháng cáo là ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông B cho rằng tại cấp sơ thẩm không được tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ liên quan đến hợp đồng

thế chấp tài sản của vợ chồng ông cũng như việc bán tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ. Việc bán đấu giá tài sản của vợ chồng ông để thu hồi nợ về trình tự, thủ tục phía ông không được Ngân hàng thông báo cũng như không được thỏa thuận để xác định giá trị tài sản bán, trừ nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng cũng như việc xác định nợ gốc còn phải trả và thỏa thuận thời hạn, lãi suất phía ông phải có nghĩa vụ với ngân hàng. Ông B cho rằng tài sản thế chấp khi vay được định giá là trên 13.000.000.000 đồng nên khi giao tài sản thế chấp cho ngân hàng bán để thu hồi nợ là đảm bảo hết nghĩa vụ. Tuy nhiên phía Ngân hàng bán đấu giá tài sản của ông với giá chỉ hơn 7.000.000.000 đồng thấp hơn nhiều so với giá tài sản thế chấp khi vay mà không được ngân hàng thông báo, bàn bạc thỏa thuận cũng như các bên có xác nhận số tiền nợ gốc, tiền lãi, thời hạn thanh toán trả nợ. Do đó tại cấp sơ thẩm không yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ về việc giao, nhận, bán tài sản thế chấp cũng như không làm rõ số tiền vốn vay còn lại của hợp đồng tín dụng mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng là chưa thỏa đáng. Tại phiên tòa, ông B nộp bản photo kết quả định giá tài sản khi ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng xác định phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đã khởi kiện, không kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía Ngân hàng xác định tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thế chấp tài sản, giao tài sản thế chấp và bán đấu giá tài sản thế chấp của vợ chồng ông B bà C để thu hồi nợ. Phía ngân hàng cho rằng khi khởi kiện ông B bà C là tranh chấp hợp đồng tín dụng sau khi đã bán tài sản thế chấp, nghĩa là không còn tài sản thế chấp nên không giao nộp chứng cứ và Tòa án cũng không yêu cầu. Phía ngân hàng xác định đã thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và các quy định pháp luật khi bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ của ông B bà C. Tại phiên tòa, phía ngân hàng nộp bổ sung một số bản photo tài liệu về việc giao, nhận tài sản thế chấp và bán tài sản thế chấp của ông B, bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định và đúng pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn yêu cầu đưa hồ sơ thế chấp tài sản, bán đấu giá tài sản vào giải quyết trong vụ án để xác định lại tiền nợ gốc, tiền lãi mà phía bị đơn còn phải chịu mới bảo đảm quyền lợi cho bị đơn và giải quyết toàn diện, khách quan vụ án. Yêu cầu này của

đương sự là có cơ sở và tại cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ này là chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung xem xét được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã động viên hòa giải, các bên đương sự cũng đã có thời gian tự thương lượng, hòa giải nhưng không thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông B và bà C trong hạn luật định được chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bản án sơ thẩm là bị đơn bà C có bản khai trình bày nội dung và yêu cầu kháng cáo. Bà C xin vắng mặt tại các phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét việc ông B và bà C yêu cầu hủy án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ.

Xét thấy, Ngân Hàng X (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện bị đơn tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tiền) có thể chấp tài sản; Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi nên đã trả nợ một phần tiền nợ gốc vay và giải chấp một tài sản thế chấp là quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 18, tờ bản đồ số 88 và Tài sản gắn liền với đất là căn nhà số 271/163/73 (số mới 383/3/97) quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp tài sản 00508/HĐTC-BĐS/TCB ngày 25/12/2013, số công chứng 39759, Phòng công chứng số 5) (Gọi tắt là tài sản 01).

Phía bị đơn đã giao tài sản thế chấp còn lại là quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 509, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng thế chấp tài sản 00449/HĐTC-BĐS/TCB ngày 23/9/2013, số công chứng 015218, văn phòng công chứng K, đăng ký thế chấp ngày 23/09/2013, số đăng ký 4472 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại Quận K (Gọi tắt là tài sản 02) để xử lý nợ, giải quyết nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với Ngân hàng.

Việc giải chấp đối với tài sản 01 để trả nợ giữa nguyên đơn và bị đơn không có ý kiến và tranh chấp. Tuy nhiên, việc bán đấu giá tài sản 02 của bị đơn thì tại cấp phúc thẩm phía bị đơn cho rằng giá trị bán tài sản nêu trên quá chênh lệch với giá trị định giá thế chấp tài sản ban đầu nên số tiền nợ gốc của phía bị đơn vẫn còn và phải tính lãi là không rõ ràng. Ngoài ra, quá trình bán tài sản 02

phía bị đơn hoàn toàn không biết và cũng không có thỏa thuận gì xác nhận còn nợ ngân hàng tiền nợ gốc và lãi như phía ngân hàng khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự xác nhận tại cấp sơ thẩm chưa nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản; tài liệu chứng cứ giao tài sản thế chấp và bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Phía bị đơn cũng xác nhận tại cấp sơ thẩm không có yêu cầu phản tố đối với việc bán tài sản thế chấp của ngân hàng. Phía bị đơn chưa xác nhận tiền nợ gốc còn nợ mà luôn xin phía ngân hàng xem xét để thỏa thuận giải quyết tranh chấp nhưng không được. Nay phía bị đơn kháng cáo yêu cầu làm rõ việc bán tài sản thế chấp, giá trị bán tài sản thế chấp để xác định đúng số tiền nợ gốc còn lại cũng như tiền lãi của Ngân hàng đối với bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn mới giao nộp một số tài liệu photo liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản; việc giao nhận tài sản thế chấp; bán đấu giá tài sản thế chấp. Phía bị đơn cung cấp bản photo phiếu định giá tài sản bảo đảm bất động sản thế chấp khi vay tiền.

Căn cứ lời trình bày và chứng cứ mới giao nộp tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện xác định số tiền nợ gốc đối với bị đơn sau khi bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ và xem như phía bị đơn không còn tài sản thế chấp. Tuy nhiên, nguyên đơn chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bán tài sản thế chấp để xác định số tiền nợ gốc còn lại và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn về nội dung này là có cơ sở.

Xét tài sản 02 khi định giá để thế chấp vay tiền có giá trị khoảng 13.000.000.000 đồng (Mười ba tỷ đồng) nhưng khi bán đấu giá để thu hồi nợ gốc chỉ có giá trị khoảng 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng). Phía bị đơn xác định không biết, không có mặt, không có ý kiến và không có sự thỏa thuận xác nhận của phía bị đơn khi phía ngân hàng bán đấu giá tài sản 02 của bị đơn.

Cấp sơ thẩm xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ thu thập theo yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vụ án, đảm bảo đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự thì cấp sơ thẩm cần phải thu thập chứng cứ, triệu tập thêm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) để xem xét hợp đồng thế chấp tài sản và việc bán tài sản thế chấp thu hồi nợ để xác định chính xác số tiền gốc còn nợ của ông B, bà C cũng như tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết để làm căn cứ giải quyết tranh chấp.

Từ những phân tích và nhận định trên cũng như đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bà C, hủy bản án sơ thẩm do có chứng cứ mới và cần phải thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông B và bà C không phải chịu.

Vì các lẽ trên;



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 293; Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Tuyên xử:**

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 239/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 và quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 102/2021/QĐ-SCBSQĐ ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng X và bị đơn ông B, bà C.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B và bà C không phải chịu. Trả lại cho ông B số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2019/0089664 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho bà C số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2019/0089663 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự quận L;
- Tòa án nhân dân quận L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**